CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP VICEM Thạch cao Xi măng

Ngày 31/12/2024	4,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.1%	**-6.1%**	**-**

DT thuần
Q4/24
69.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.20| -0.3%
YoY: ▲ 40.7| 140%

LN thuần
Q4/24
-1.76
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.12| -589%
YoY: ▼0.71| -67.8%

LN sau thuế
Q4/24
0.48
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.13| 36.0%
YoY: ▲ 1.53| 145%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
-0.4%
YoY: +/-▲ 2.9%

ROE
2024
-1.1%
YoY: +/-▲ 3.1%

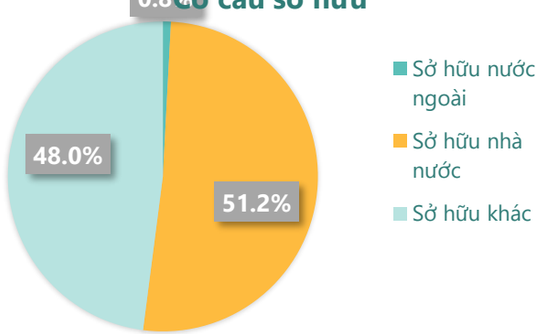
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,900 - 14,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	32
Số lượng CPLH (CP)	7,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	22,775
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	0.23
EPS	-169
P/E	-27.2

DT thuần
2024
236
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 125| 113%

LN thuần
2024
-3.38
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.33| 28.1%

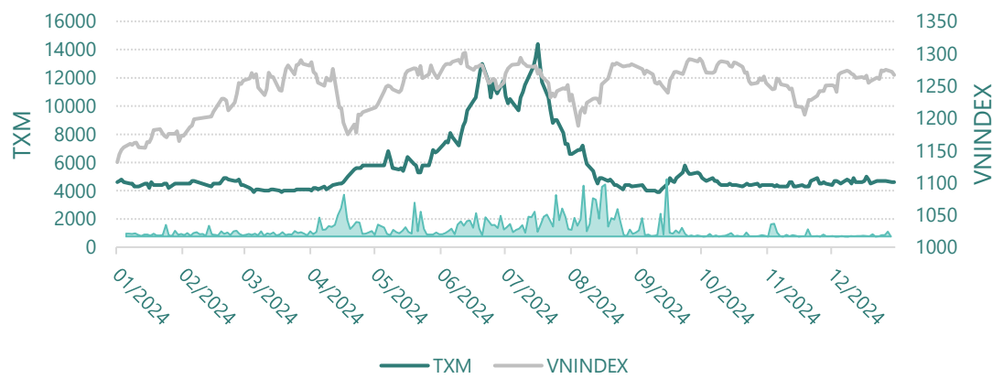
LN sau thuế
2024
-1.18
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.49| 74.7%

Cơ cấu sở hữu

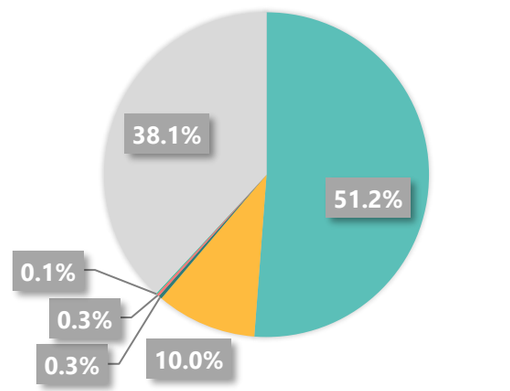


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



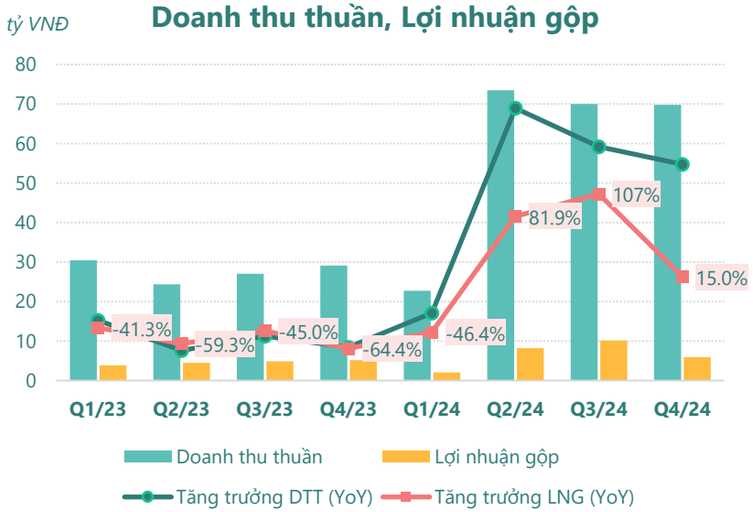
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

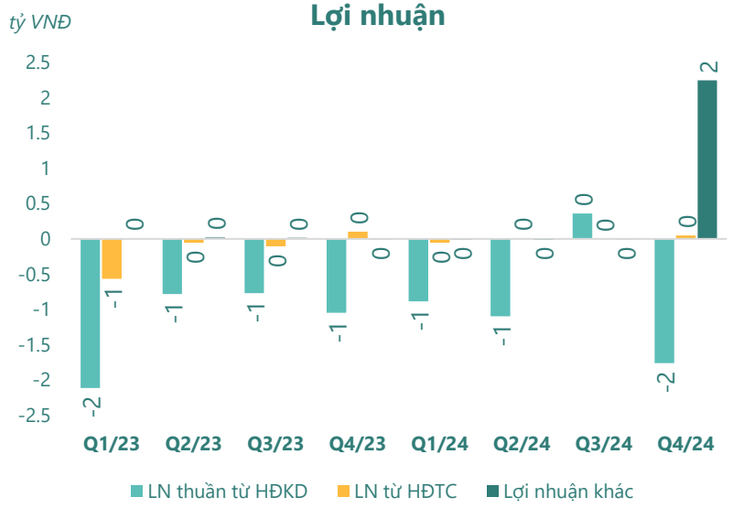
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



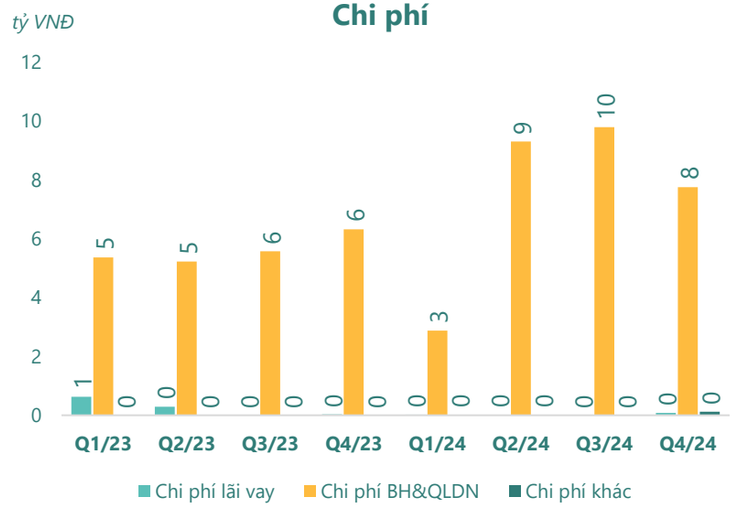
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



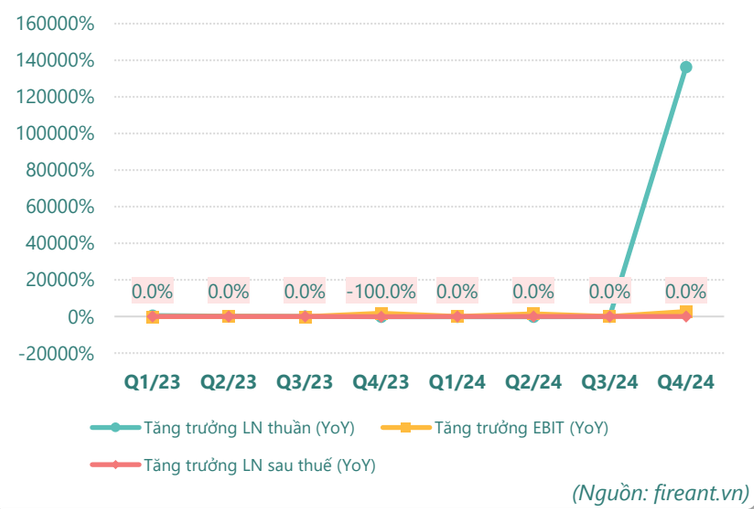
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



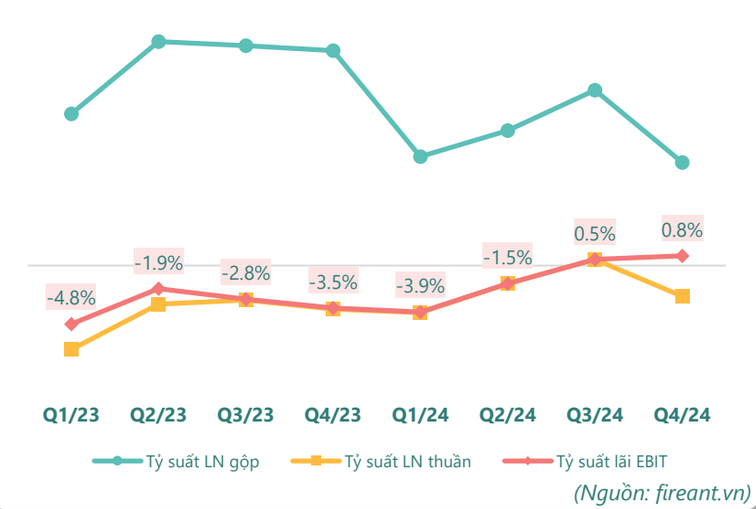
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



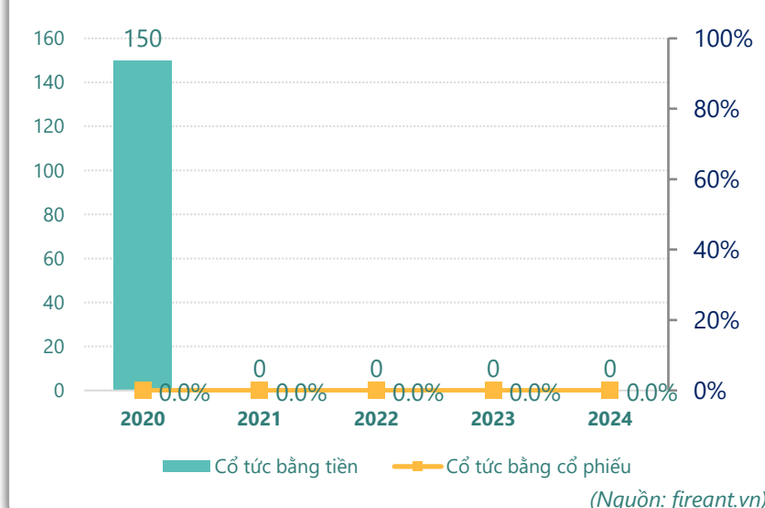
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

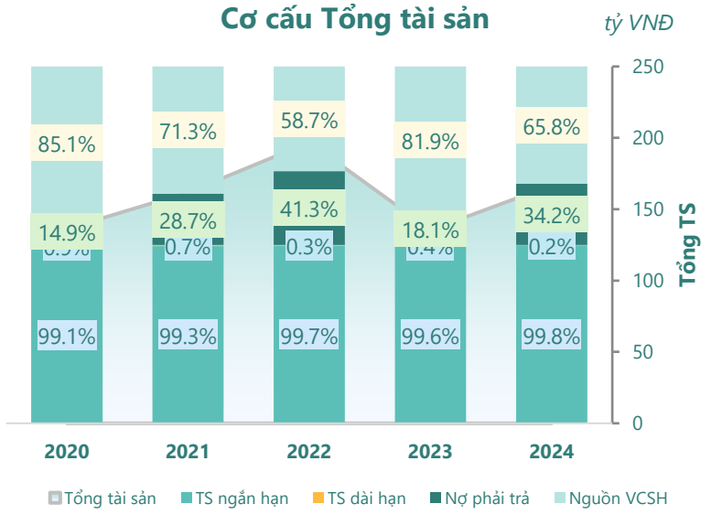
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

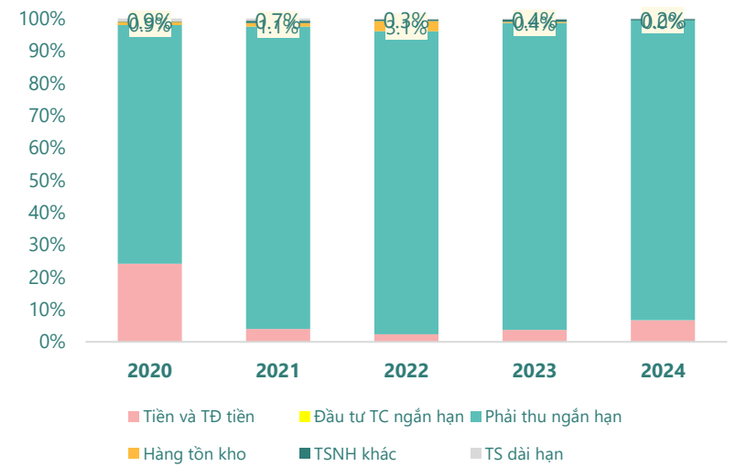
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



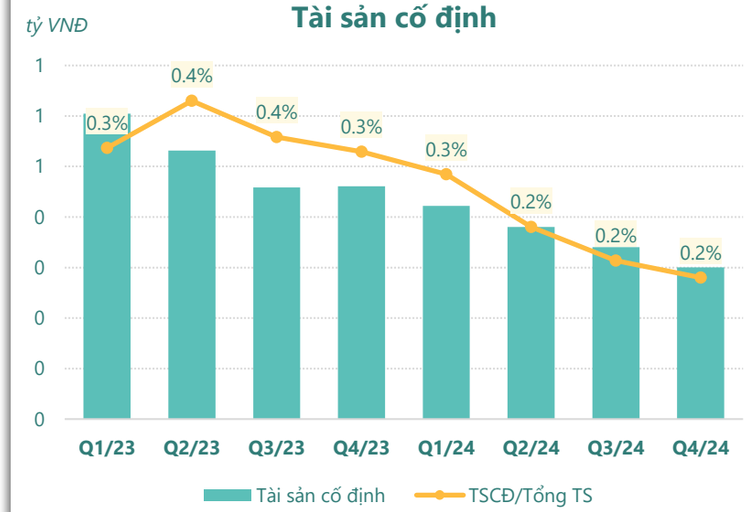
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



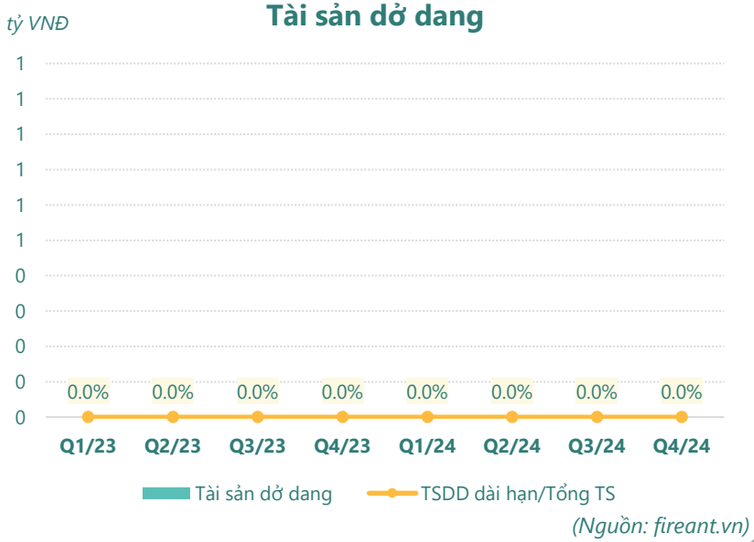
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



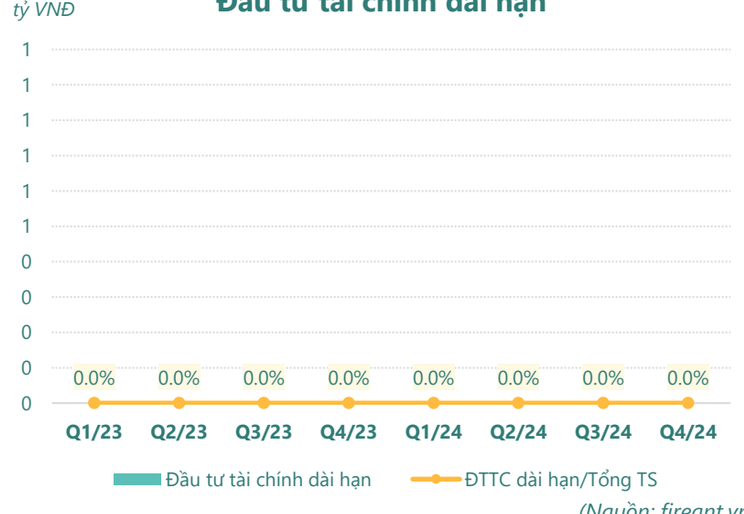
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



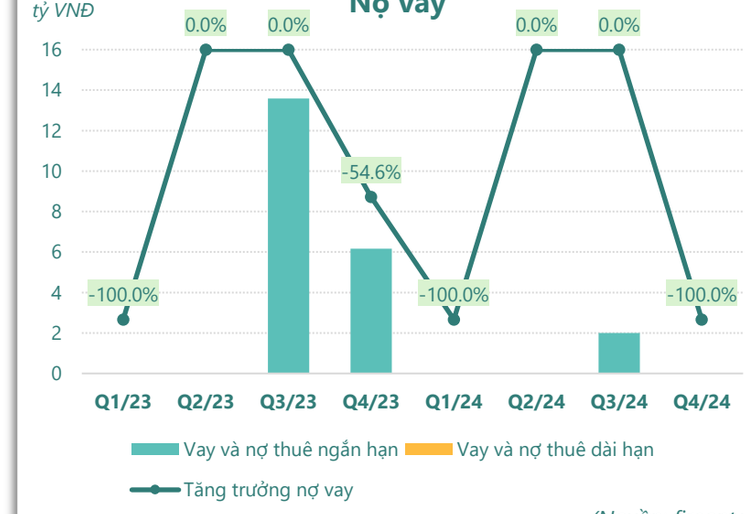
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

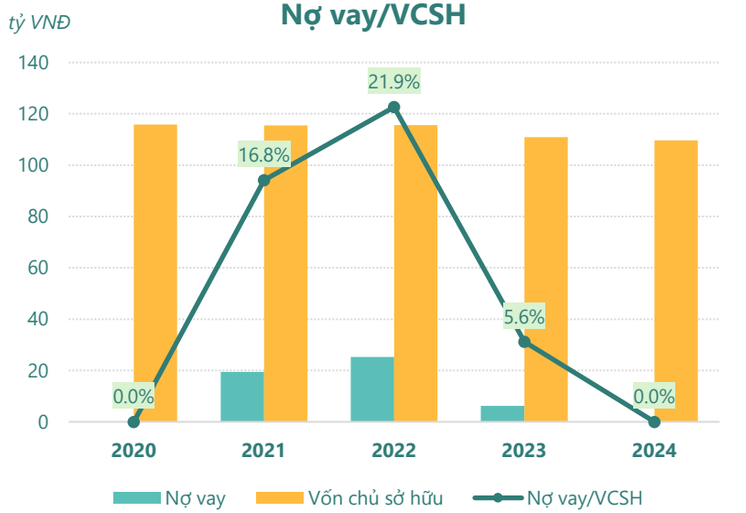
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

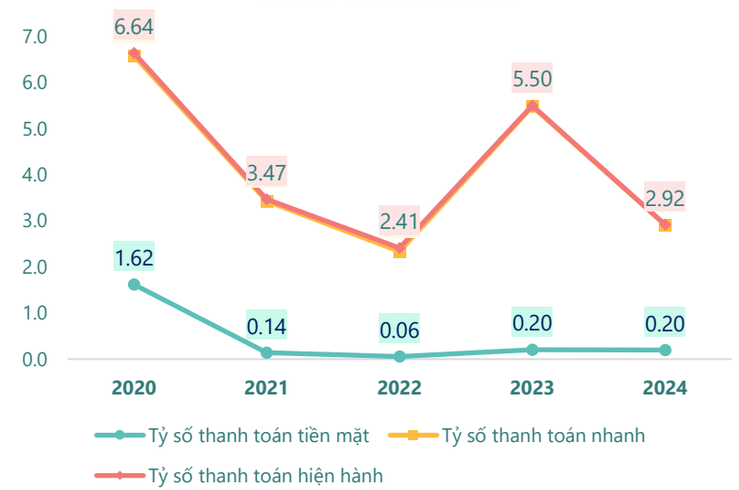
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



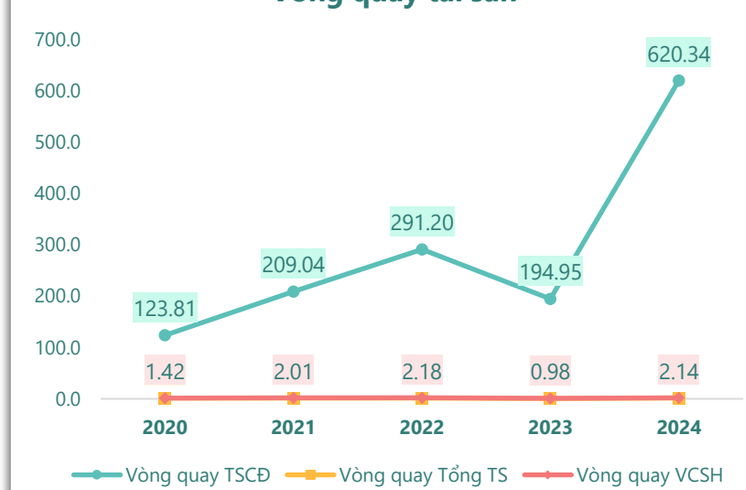
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



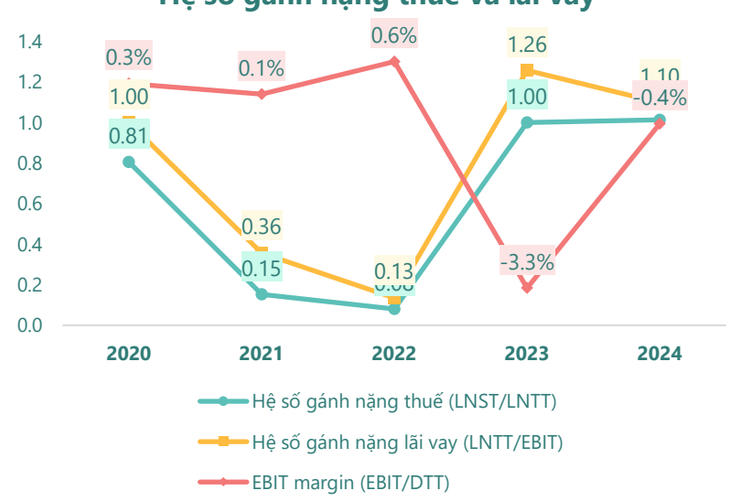
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



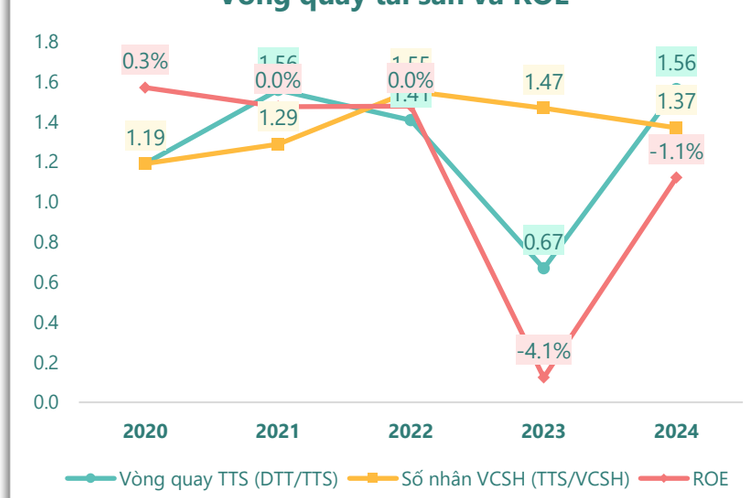
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



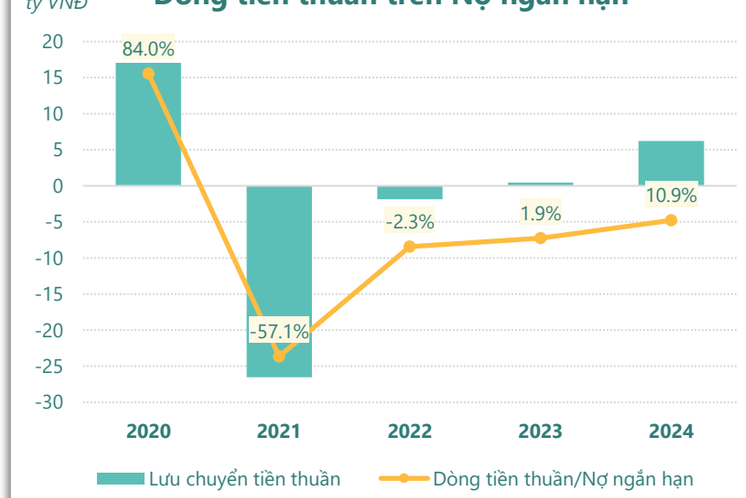
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**69.8**	**29.1**	**140%**	**236**	**111**	**113%**
Giá vốn hàng bán	63.8	23.9	167%	210	92.5	127%
Lợi nhuận gộp	5.95	5.18	15.0%	26.4	18.4	43.1%
Doanh thu HĐTC	0.13	0.17	-24.9%	0.26	0.60	-56.7%
Chi phí TC	0.08	0.07	15.1%	0.26	1.22	-79.0%
Chi phí lãi vay	0.08	0.03	157%	0.11	0.96	-89.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.83	3.97	-3.6%	17.8	12.0	48.0%
Chi phí QLDN	**3.94**	**2.35**	**67.6%**	**12.0**	**10.5**	**14.1%**
LN thuần từ HĐKD	-1.76	-1.05	-67.8%	-3.38	-4.71	28.1%
Lợi nhuận khác	**2.25**	**0.00**		**2.22**	**0.04**	**5335%**
LN trước thuế	0.49	-1.05	146%	-1.17	-4.67	75.0%
Lợi nhuận sau thuế	**0.48**	**-1.05**	**145%**	**-1.18**	**-4.67**	**74.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.48**	**-1.05**	**145%**	**-1.18**	**-4.67**	**74.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.80	-11.4	3.91	5.21	-4.16	7.27
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.15	0.16	0.08	-6.44	6.50	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	6.17	-6.17	0	2.00	-2.00
Tiền đầu kỳ	16.7	10.1	5.02	2.84	1.62	5.94
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.64**	**-5.03**	**-2.18**	**-1.24**	**4.34**	**5.27**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.01	0	0.01	-0.02	0.01
Tiền cuối kỳ	10.1	5.02	2.84	1.62	5.94	11.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**167**	**135**	**23.2%**
Tài sản ngắn hạn	166	135	23.4%
Tiền và tương đương tiền	11.2	5.02	124%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	155	128	20.4%
Hàng tồn kho	0	0.51	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	0.64	0.99	-35.1%
Tài sản dài hạn	**0.30**	**0.49**	**-38.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.30	0.46	-34.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0.02**	**-100%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	57.1	24.5	133%
Nợ ngắn hạn	**57.1**	**24.5**	**133%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	6.17	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	54.7	15.6	251%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**110**	**111**	**-1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**110**	**111**	**-1.1%**
Vốn điều lệ	70.0	70.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)